

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP NGÔN NGỮ QUA DẠY HỌC TÍCH HỢP CÁC CHỦ ĐỀ TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

DEVELOPING THE COMMUNICATION CAPACITY BY INTEGRATING
VIETNAMESE TOPICS AT HIGH SCHOOL

NGUYỄN THỊ BÍCH

(TS; Đại học Sư phạm, ĐH Thái Nguyên)

PHẠM THỊ THU HOÀI

(ThS; Đại học Sư phạm, ĐH Thái Nguyên)

Abstract: The article builds an integrated teaching topic "Tiếng Việt ơi tiếng Việt àn tình..." corresponding to the illustrated articles on Vietnamese history and language communication activities in Vietnamese curriculum at high school. Thereby, topic integrated teaching activities can be applied to develop learners' competence to meet the requirements of Vietnamese education reform in integration period.

Key words: communication; topic; integrated; competence.

1. Những vấn đề chung

1.1. Trong chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT), môn Ngữ văn không chỉ là một môn khoa học mà còn là một môn nghệ thuật. Với môn học này, việc hình thành và phát triển cho học sinh (HS) năng lực giao tiếp ngôn ngữ là một mục tiêu quan trọng, cũng là mục tiêu thể mạnh mang tính đặc thù. Qua dạy học tích hợp các chủ đề tiếng Việt, giáo viên (GV) sẽ định hướng để HS hiểu về các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ và biết cách sử dụng phù hợp, hiệu quả. Từ đó, từng bước làm chủ tiếng Việt trong các hoạt động giao tiếp cụ thể.

Năng lực được quan niệm là sự kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức kiến thức, kĩ năng với thái độ, tình cảm, giá trị, động cơ cá nhân,... nhằm đáp ứng hiệu quả một yêu cầu phức hợp của hoạt động trong bối cảnh nhất định [1, tr. 49].

1.2. Định hướng xây dựng CTGDPT sau năm 2015 đã xác định một số năng lực chung, cốt lõi mà mọi HS Việt Nam đều cần có để thích ứng với nhu cầu phát triển xã hội, gồm: 1/Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân (năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực quản lí bản thân); 2/Nhóm năng lực xã hội (năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác); 3/Nhóm năng lực công

cụ (năng lực tính toán, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, ICT). Môn Ngữ văn hướng đến hình thành và phát triển cho người học những năng lực chung cốt lõi, cụ thể là *năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân* và các năng lực đặc thù là *năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mĩ*, đồng thời bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, quan niệm sống, phép ứng xử nhân văn. Như vậy, năng lực giao tiếp không chỉ là năng lực cốt lõi cần hình thành qua hệ thống các môn học mà còn là năng lực chuyên biệt chủ yếu được phát triển qua môn Ngữ văn.

"Giao tiếp là hoạt động xác lập, vận hành các mối quan hệ giữa con người với con người nhằm thoả mãn những nhu cầu nhất định" [5, tr.13]. Theo đó, năng lực giao tiếp có thể được hiểu là "*khả năng sử dụng các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ để chuyển tải, trao đổi thông tin về các phương diện của đời sống xã hội, trong từng bối cảnh/ngữ cảnh cụ thể, nhằm đạt đến một mục đích nhất định trong việc thiết lập mối quan hệ giữa những con người với nhau trong xã hội*" [1, tr.55]. Năng lực giao tiếp bao gồm các thành tố: sự hiểu biết và khả năng sử dụng ngôn ngữ; sự hiểu biết về các tri thức của

đời sống xã hội; sự vận dụng phù hợp những hiểu biết trên vào các tình huống phù hợp để đạt được mục đích. Năng lực giao tiếp được thể hiện ở những khía cạnh sau: xác định được mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp; nhận ra được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp (người nghe) để có thái độ ứng xử phù hợp; sử dụng hệ thống ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng của cá nhân một cách tự tin trong từng bối cảnh và đối tượng; thể hiện được thái độ biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.

Năng lực giao tiếp trong các nội dung dạy học tiếng Việt được thể hiện ở 4 kỹ năng cơ bản: *nghe, nói, đọc, viết* và khả năng ứng dụng các kiến thức và kỹ năng ấy vào các tình huống giao tiếp khác nhau trong cuộc sống.

Đây cũng là mục tiêu chỉ phối trong việc đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn theo quan điểm giao tiếp, coi trọng khả năng thực hành, vận dụng những kiến thức tiếng Việt vào những ngữ cảnh giao tiếp đa dạng của cuộc sống.

1.3. Dạy học tích hợp "là việc tổ chức nội dung dạy học của GV sao cho học sinh có thể huy động nội dung, kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập, thông qua đó lại hình thành những kiến thức, kỹ năng mới, từ đó phát triển được những năng lực cần thiết" [1, tr 63]. Đặc trưng của môn Ngữ văn cho phép thực hiện việc tích hợp như một yêu cầu tự thân. Cả ba nội dung *Văn học, tiếng Việt* và *Làm văn* đều có điểm đồng quy là tiếng Việt, trong đó mục đích là hình thành cho HS năng lực sử dụng ngôn ngữ với 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Tích hợp trong dạy học các chủ đề tiếng Việt có thể tiến hành theo các 5 mức độ: 1/Tích hợp nội môn (tích hợp trong nội bộ phân môn và môn học); 2/Tích hợp lồng ghép (lồng ghép với kiến thức đời sống qua việc tìm hiểu các văn bản văn học, đặc biệt là các văn bản nhật dụng, văn bản hành chính, qua chương trình dành cho địa phương); 3/Tích hợp đa môn (tích hợp các chủ đề, các vấn đề chung giữa các môn học); 4/Tích

hợp liên môn (kiến thức, kỹ năng các môn học thuộc ngành khoa học xã hội nhân văn và các ngành học khác); 5/Tích hợp xuyên môn (tích hợp các vấn đề từ cuộc sống thực, từ đó xây dựng thành các môn học mới). Như vậy, học tiếng Việt nhưng HS có được kiến thức và kỹ năng thực hành toàn diện, tổng hợp những hiểu biết về ngôn ngữ, văn hoá, văn học, lịch sử, địa lý, phong tục, vốn sống, vốn tri thức và kinh nghiệm của bản thân.

Dạy học theo chủ đề là xây dựng nội dung một kết cấu chặt chẽ không còn là những bài học rời rạc. Học sinh phải tự tìm tòi các kiến thức thực tế liên quan đến nội dung học và vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Việc lựa chọn các chủ đề tiếng Việt sẽ giúp GV định hình rõ ràng những đơn vị kiến thức, những kỹ năng và thái độ cần trang bị và hình thành, phát triển cho học sinh. Có thể xây dựng các chủ đề dạy học tiếng Việt theo nhiều tiêu chí khác nhau:

Thứ nhất, có thể xây dựng chủ đề theo các lĩnh vực thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ như *Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp, Phong cách học; Ngữ dụng học...* Với cách này, các chủ đề tiếng Việt sẽ được xây dựng là: *Rèn luyện kỹ năng chính âm, chính tả; Rèn luyện kỹ năng dùng từ; Rèn luyện kỹ năng đặt câu; Rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản theo phong cách ngôn ngữ; Rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn từ trong ngữ cảnh.*

Thứ hai, có thể xây dựng chủ đề theo cấp độ cấu tạo của các đơn vị ngôn ngữ. Với tiêu chí này, các chủ đề tiếng Việt sau sẽ được xây dựng: *Âm vị - hình vị tiếng Việt; Từ - cụm từ - câu tiếng Việt; Đoạn - văn bản.*

Hai cách xây dựng chủ đề trên phù hợp với mô hình các trường chuyên, lớp chọn hoặc thiết kế để dạy cho đội tuyển học sinh giỏi môn Ngữ văn ở các trường phổ thông. Tiếp theo có thể xây dựng chủ đề tiếng Việt theo các hoạt động rèn luyện kỹ năng *nghe, nói, đọc, viết*. Với cách này, GV có thể thiết kế các chủ đề sau: *Nghe hiểu tiếng Việt; Tôi là độc giả, Tôi là người nói, Tôi là người viết.* Cuối cùng, GV có thể xây

dựng các chủ đề theo cụm bài về: *từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ, hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ*. Xây dựng chủ đề theo các nhóm bài, GV đã tích hợp các kiến thức tiếng Việt ở ba khối lớp 10, 11, 12 và có thể thiết kế nội dung, tổ chức hoạt động cho HS thực hành, vận dụng kiến thức tiếng Việt

vào thực tiễn. Với tiêu chí này, GV có thể xác định và xây dựng được các chủ đề tương ứng trên cơ sở đã rà soát phần tiếng Việt của chương trình Ngữ văn THPT và lựa chọn những bài học phù hợp, cần thiết.

Bảng 1. Các chủ đề tiếng Việt tích hợp theo nhóm bài

STT	Lớp Chủ đề	NHÓM BÀI		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	<i>Kể rằng dùng từ: Từ dùng "đúng" đến dùng "trùng", dùng "sáng tạo"</i>	Một số yếu tố Hán - Việt thường dùng để cấu tạo từ.	Thực hành về thành ngữ, điển cố	
2	<i>Câu tiếng Việt: từ viết đúng đến viết hay</i>		a) Thực hành lựa chọn các bộ phận trong câu; b) Thực hành một số kiểu câu trong văn bản; c) Nghĩa của câu	Thực hành về hàm ý
3	<i>Giao tiếp đúng phong cách ngôn ngữ: chìa khóa của thành công</i>	a) Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt; b) Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật	a) Phong cách ngôn ngữ chính luận; b) Phong cách ngôn ngữ báo chí	a) Phong cách ngôn ngữ khoa học; b) Phong cách ngôn ngữ hành chính.
4	<i>Tổ chức cho tiếng Việt</i>	a) Thực hành phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ; b) Thực hành các phép tu từ: phép điệp, phép đối		a) Thực hành một số phép tu từ ngữ âm; b) Thực hành một số phép tu từ cú pháp
5	<i>Tiếng Việt ở tiếng Việt ăn tình</i>	a) Khái quát về lịch sử tiếng Việt; b) Những yêu cầu về sử dụng tiếng Việt; c) Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; d) Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ	a) Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân; b) Đặc điểm loại hình tiếng Việt; c) Ngữ cảnh	a) Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; b) Nhấn vật giao tiếp.

Khi thiết kế các chủ đề tích hợp, GV có thể áp dụng những mẫu kế hoạch bài học khác nhau, song cần giải quyết và đảm bảo 05 vấn đề, gồm: (1) Lý do chọn chủ đề; (2) Mục tiêu của chủ đề: GV cần xác định mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và mục tiêu về năng lực; (3) Nội dung chủ đề: GV xác định được những nội dung kiến thức cơ bản cần hướng dẫn HS hình thành qua chủ đề học tập; (4) Cách thức tổ chức dạy học tích hợp theo chủ đề: GV xác định được các hoạt động dạy và học, hoạt động của GV và HS, những phương pháp và kỹ thuật dạy học áp dụng trong giờ học; (5) Cách thức kiểm tra, đánh giá trong chủ đề: GV cần xây dựng bảng mô tả các mức độ và công cụ đánh giá được sử dụng trong chủ đề và thiết kế được hệ thống câu hỏi, bài tập.

2. Phát triển năng lực giao tiếp ngôn ngữ qua dạy học tích hợp chủ đề “Tiếng Việt ở tiếng Việt ăn tình...”

2.1. Lý do chọn chủ đề

Theo định hướng của CTGDPT mới, dạy học tích hợp là yêu cầu nhằm phát triển năng lực người học, đồng thời khắc phục những điểm trùng lặp về mặt kiến thức giữa nội dung của các bài. Việc dạy học tích hợp cũng tạo điều kiện thuận lợi để GV vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực. Qua đó, các năng lực của học sinh được hình thành và phát triển như: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và chủ đạo là năng lực giao tiếp tiếng Việt.

Trong chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông, mạch kiến thức tiếng Việt được phân bổ từ lớp 1 đến lớp 12. Giáo viên có thể phân tích

thành nhiều chủ đề tương ứng với các cụm bài về từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ và hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

- Chủ đề “*Tiếng Việt ơi tiếng Việt ài tình...*” tương ứng với cụm bài về Lịch sử tiếng Việt và hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, sẽ tích hợp các bài học trong sách giáo khoa như: lớp 10: Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, Những yêu cầu về sử dụng tiếng Việt; Lớp 11: Khái quát lịch sử tiếng Việt; Lớp 12: Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và bổ sung thêm nội dung Ngôn ngữ @. Qua đó, sẽ giúp HS thực hành, trải nghiệm các tình huống giao tiếp trong thực tế.

2.2. Mục tiêu của chủ đề

Về kiến thức: Chủ đề giúp HS nắm được lịch sử phát triển tiếng Việt, những yêu cầu về sử dụng tiếng Việt, đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, mối liên hệ từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân, đặc biệt là ngữ cảnh và các yếu tố chi phối hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (nhân vật giao tiếp, đối tượng giao tiếp, phương tiện giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp).

Về kĩ năng: Qua dạy học chủ đề này, GV giúp HS hình thành kĩ nói đúng, viết đúng để dần phát triển thành kĩ năng nói hay viết hay; rèn luyện kĩ năng giao tiếp trong từng bối cảnh, ngữ cảnh, tình huống giao tiếp cụ thể.

Về thái độ: Bồi dưỡng những tình cảm yêu mến, tự hào, trân trọng ngôn ngữ dân tộc; có ý thức rèn luyện các kĩ năng (nghe, nói, đọc, viết) để tổng hợp thành năng lực giao tiếp; có trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Về năng lực: Hướng tới hình thành và phát triển các năng lực: hợp tác, sáng tạo, giải quyết các vấn đề, quản lí bản thân và năng cảm thụ thẩm mĩ và chủ đạo là năng lực giao tiếp tiếng Việt.

2.3. Gợi ý về nội dung các chủ đề và cách thức tổ chức dạy học tích hợp theo chủ đề

2.3.1. Các chủ đề gồm: (1) *Khái quát về lịch sử tiếng Việt*; (2) *Những yêu cầu về sử*

dụng tiếng Việt; (3) *Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ*; (4) *Ngôn ngữ @ và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*.

Ở mỗi chủ đề, trên cơ sở kiến thức đã có trong sách giáo khoa, cần đưa ra những gợi ý vừa cụ thể vừa ngắn gọn nhưng bao quát được nội dung của mỗi chủ đề.

2.3.2. Gợi ý cách thức tổ chức dạy học tích hợp theo chủ đề

(i) Hoạt động 1: Giới thiệu chủ đề

Bước 1: GV chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ và cho HS xem clip nghệ sĩ Phan Xuân Thi diễn ngâm bài thơ *Tiếng Việt* của Lưu Quang Vũ, đưa ra yêu cầu trả lời câu hỏi: a. Bài thơ nói về nội dung gì? b. Những phương diện nào của tiếng Việt được Lưu Quang Vũ nhắc đến trong bài thơ? c. Thông điệp được gửi gắm qua bài thơ? d. Suy nghĩ của em về ngôn ngữ @ và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?

Bước 2: Các thành viên bày tỏ ý kiến cá nhân, trao đổi trong nhóm và đưa ra các lập luận của nhóm mình.

Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm trình bày ý kiến, lập luận của mình.

Bước 4: GV nhận xét và kết luận, giới thiệu bài mới.

(ii) Hoạt động 2: Tìm hiểu về lịch sử tiếng Việt

Bước 1: GV chia nhóm cho học sinh đọc SGK bài “*Khái quát về lịch sử tiếng Việt*” (SGK Ngữ văn 10, tập 1) và trả lời câu hỏi hoạt động nhóm (vận dụng kĩ thuật “khăn phủ bàn”): a. Tiếng Việt có nguồn gốc từ đâu? Có quan hệ họ hàng như thế nào? b. Sự phát triển tiếng Việt có mối quan hệ như thế nào đối với lịch sử đất nước? c. Vẽ sơ đồ tư duy về lịch sử phát triển của tiếng Việt.

Bước 2: Các nhóm sẽ hoàn thành nhiệm vụ theo các bước của kĩ thuật “khăn phủ bàn”.

Bước 3: GV sử dụng kĩ thuật “Phòng tranh”, triển lãm các sản phẩm của HS. Các nhóm lần lượt trình bày sản phẩm, các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

Bước 4: GV tổng kết và chốt lại.

(iii) **Hoạt động 3: Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ**

Bước 1: Giáo viên đưa ra yêu cầu cho HS:

a. Xem một đoạn hội thoại về chủ đề an toàn giao thông; b. Đọc trên màn hình trình chiếu lá thư đạt giải Nhất Quốc gia, Quốc tế trong cuộc thi viết thư Quốc tế UPU của em Hồ Thị Hiếu Hiền, Đà Nẵng về đề tài “Hãy viết thư cho một người nào đó, để nói vì sao việc hiểu biết về AIDS và tự bảo vệ mình trước căn bệnh này là rất quan trọng”; c. Lá đơn xin dự tuyển du học của HS.

GV áp dụng kĩ thuật “Công đoạn” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: **Nhóm 1:** Hoạt động giao tiếp là gì? Các điều kiện đảm bảo hoạt động giao tiếp; **Nhóm 2:** Các nhân tố của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; **Nhóm 3:** Từ 3 ngữ liệu trên, hãy đề xuất những điều cần lưu ý khi tham gia hoạt động giao tiếp; **Nhóm 4:** Vai trò của phương diện hình thức (trang phục, trang điểm, trang sức, chữ viết,

trình bày) và các phương tiện phi ngôn ngữ; **Nhóm 5:** Phân biệt kĩ năng giao tiếp, nghệ thuật giao tiếp và phong cách giao tiếp.

Bước 2: Các nhóm đọc và bổ sung ý kiến cho nhóm bạn. Các nhóm hoàn thành nhiệm vụ theo kĩ thuật “Công đoạn”.

Bước 3: GV sử dụng kĩ thuật “Phòng tranh” triển lãm các sản phẩm của HS, các nhóm lần lượt trình bày.

Bước 4: GV tổng kết và chốt lại

(iv) **Hoạt động 4: Ngôn ngữ @ và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt**

Bước 1: GV đưa ra yêu cầu cho HS: Đọc đoạn tin nhắn viết dưới dạng kí tự teen - cot; Đọc một status trên facebook với những lời lẽ thiếu văn minh, lịch sự; Đọc câu ca dao: “Người thanh tiếng nói cũng thanh/ Chuông kêu thủ tiếng người ngoan thủ lời”. Yêu cầu HS điền vào phiếu học tập (áp dụng kĩ thuật KWLH: biết - muốn biết - học thêm - vận dụng).

Yêu cầu HS điền vào phiếu học tập (áp dụng kĩ thuật KWLH: biết - muốn biết - học thêm - vận dụng).

BẢNG HỎI “KWLH”

Họ và tên:	Lớp
Câu hỏi:	
1. Em biết gì về thực trạng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trên mạng xã hội, trong học tập và trong đời sống? (GV yêu cầu HS điền vào cột K).	
2. Sau khi đọc những ngữ liệu trên, em có đề xuất gì không? (GV yêu cầu HS điền vào cột W).	
3. Sau khi đọc những ngữ liệu trên, em có suy nghĩ gì? Em rút kinh nghiệm gì trong giao tiếp? (GV yêu cầu HS điền vào cột L).	
4. Em sẽ làm thế nào để góp một phần công sức của mình vào công cuộc hiện đại hóa và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt? (GV yêu cầu HS điền vào cột H).	
K (Những điều đã biết)	W (Những điều muốn biết)
L (Những điều đã học được sau bài học)	H (Những điều có thể vận dụng)

Bước 2: HS điền đầy đủ các thông tin vào cột K-W-L-H.

Bước 3: GV gọi một HS đứng lên đọc và trao đổi. Sau đó, GV hỏi lại, thu bảng để nghiên cứu thêm thông tin của cả lớp.

Bước 4: GV chốt lại và mở rộng.

2.4. Gợi ý cách thức đánh giá trong chủ đề

Bảng 2. Các mức độ và công cụ đánh giá được sử dụng trong dạy học theo chủ đề

Số TT	Nội dung kiến thức	Mục tiêu dạy học	Mình chứng/ sản phẩm	Công cụ đánh giá
1	Khái quát lịch sử tiếng Việt	- Biết được một cách khái quát nguồn gốc, các mối quan hệ họ hàng, tiến trình lịch sử phát triển của tiếng Việt.	Sơ đồ tư duy về lịch sử phát triển tiếng Việt.	Câu 1
2	Yêu cầu về sử dụng tiếng Việt	- Nắm được các yêu cầu về sử dụng tiếng Việt. (Ngữ âm, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp phong cách ngôn ngữ).	- Bảng hệ thống các quy tắc của tiếng Việt. - Văn bản với chủ đề: “Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam” theo	Câu 2 Câu 3

			phong cách ngôn ngữ chính luận. - Các luận điểm chính của văn bản, các phép liên kết văn bản, các biện pháp tu từ được sử dụng.	
3	<i>Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ</i>	- Nắm được khái niệm hoạt động giao tiếp, các quá trình của hoạt động giao tiếp, các nhân tố trong hoạt động giao tiếp, vai trò của giao tiếp trong đời sống xã hội.	- Chỉ ra trong văn bản “ <i>Tuyên ngôn độc lập</i> ” của Hồ Chí Minh: nhân vật giao tiếp; hoàn cảnh giao tiếp; nội dung giao tiếp; mục đích giao tiếp; phương tiện và cách thức giao tiếp? - Status đăng trên Facebook cá nhân với mục đích kêu gọi cộng đồng ủng hộ một trường hợp là nạn nhân chất độc màu da cam (yêu cầu hoạt động thực tiễn). - Kịch bản giới thiệu với một đoàn khách nước ngoài về trường. - Bài phỏng vấn về một trong các vấn đề sau: <i>Tình yêu tuổi học trò; Đồng phục học sinh; Ngôn ngữ @; Văn hóa ứng xử trong trường học</i>	Câu 4, câu 5, câu 7, câu 8
4	<i>Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt</i>	- Thực trạng sử dụng tiếng Việt. - Nắm được chuẩn mực và hệ thống quy tắc tiếng Việt. - Trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	Những câu ca dao, câu chuyện dân gian liên quan đến hoạt động giao tiếp.	Câu 6

b) Hệ thống câu hỏi/ bài tập:

Câu 1: Vẽ sơ đồ tư duy về lịch sử phát triển của tiếng Việt.

Câu 2: Lập bảng hệ thống các quy tắc của tiếng Việt.

Câu 3: Tạo lập một văn bản với chủ đề: “*Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam*” theo phong cách ngôn ngữ chính luận. Sau đó, chỉ ra các luận điểm chính của văn bản, các phép liên kết văn bản, các biện pháp tu từ được sử dụng.

Câu 4: Đọc văn bản “*Tuyên ngôn độc lập*” của Hồ Chí Minh và xác định: nhân vật giao tiếp; hoàn cảnh giao tiếp; nội dung giao tiếp; mục đích giao tiếp; phương tiện và cách thức giao tiếp?

Câu 5: Hãy viết một status để đăng trên Facebook cá nhân với mục đích kêu gọi cộng đồng ủng hộ một trường hợp là nạn nhân chất độc màu da cam.

Câu 6: Sưu tầm những câu ca dao, câu chuyện dân gian liên quan đến hoạt động giao tiếp.

Câu 7: Chuẩn bị những gì khi giới thiệu với một đoàn khách nước ngoài đến thăm trường em.

Câu 8: Bài tập nhóm (dự án): Tổ chức và viết bài phỏng vấn về các vấn đề sau: *Tình yêu tuổi học trò; Đồng phục học sinh; Ngôn ngữ @; Văn hóa ứng xử trong trường học* (HS lập nhóm và tiến hành hoạt động phỏng vấn và ghi lại văn bản).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Day học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh*, Tài liệu tập huấn Vụ Giáo dục trung học, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông*, Tài liệu hội thảo, Hà Nội.
3. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2015), *Day học tích hợp phát triển năng lực học sinh*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Nguyễn Thiện Giáp (2008), *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Sở giáo dục và Đào tạo Hà Nội (2005), *Giáo trình KI năng giao tiếp*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.